



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BAN PHÁP CHẾ & QUAN HỆ CÔNG CHÚNG










Địa chỉ: Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: 04. 2221 0288 - Fax: 04. 2221 0388 - Website: www.pvpower.vn

BẢN TIN PHÁP CHẾ

THÁNG 12 NĂM 2017



Biên soạn : Lê Thị Yên
Kiểm duyệt : Nguyễn Ngọc Hà
Võ Thị Tú Oanh
Email : lethiyen@pvpower.vn
Điện thoại : 04 2221 0288 (máy lẻ: 6626)

Mục lục	Trang
I. Quy định mới	3
 Quy định mới ban hành trong tháng 12 năm 2017	
II. Điểm tin văn bản pháp luật	4
 Nghị định 141/2017/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;  Nghị định 142/2017/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hàng Hải;  Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP về thuế GTGT, thuế TNDN;  Thông tư 53/2017/TT-BTNMT quy định ngưỡng hiệu lực thi hành khoản 5 Điều 6 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.  Thông tư 27/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2015/TT-BCT quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN;  Quyết định 4495/QĐ-BCT quy định về giá bán điện;  Thông tư 06/2017/TT-BKHĐT quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.  Thông tư 13/2017/TT-BXD quy định xử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;	
III. Một số chính sách pháp luật về BHXH hiệu lực từ ngày 01/01/2018	8
IV. Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử	9

QUY ĐỊNH MỚI

1. Lao động – Tiền lương	2. Xử phạt vi phạm hành chính
Nghị định 141/2017/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động	Nghị định 142/2017/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hàng Hải;
3. Thuế - phí	4. Đất đai
- Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP về thuế GTGT, thuế TNDN;	- Thông tư 53/2017/TT-BTNMT quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 5 Điều 6 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP
5. Thương mại	6. Xây dựng - Đấu thầu
.- Thông tư 27/2017/TT-BCT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2015/TT-BCT quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN; - Quyết định 4495/QĐ-BCT quy định về giá bán điện;	- Thông tư 06/2017/TT-BKHĐT quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Thông tư 13/2017/TT-BXD quy định xử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Nghị định quy định về mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ 01/01/2018

Ngày 07/12/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 141/2017/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động. Theo đó:

1. Mức lương: từ ngày 01/01/2018, chính thức áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo quy định sau đây:

- Vùng I: 3.980.000 đồng/tháng (tăng 230.000 đồng so với quy định hiện hành tại Nghị định 153/2016/NĐ-CP);
- Vùng II: 3.530.000 đồng/tháng (tăng 210.000 đồng)
- Vùng III: 3.090.000 đồng/tháng (tăng 190.000 đồng)
- Vùng IV: 2.760.000 đồng/tháng (tăng 180.000 đồng).

Ngoài ra, Nghị định 141 cũng điều chỉnh phân vùng đối với một số huyện, thị xã như sau:

- Đưa thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai từ vùng II lên vùng I;
- Đưa các huyện Thống nhất thuộc tỉnh Đồng Nai, Huyện Thủ Thừa tỉnh Long An, Thành phố Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam từ vùng III lên vùng II.

Xem chi tiết địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 141/2017/NĐ-CP.

2. Áp dụng mức lương tối thiểu vùng: Mức lương tối thiểu vùng quy định ở trên là mức thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương, trong đó mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường, bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận phải bảo đảm:

a) Không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc giản đơn nhất;

b) Cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc đòi hỏi người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2018 và thay thế Nghị định số 153/2016/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/01/2018.

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hàng Hải

Ngày 11/12/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 142/2017/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hàng Hải.



Theo đó, phạt vi phạm quy định về bảo vệ công trình hàng hải như sau:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Không kịp thời khắc phục, sửa chữa hư hỏng của công trình hàng hải theo quy định;

b) Không xây dựng phương án bảo vệ công trình hàng hải theo quy định hoặc không tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình hàng hải đã được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Xây dựng và khai thác trái phép các công trình cảng biển, công trình khác trong phạm vi quy hoạch cảng biển đã được phê duyệt, trong luồng hàng hải và phạm vi bảo vệ công trình hàng hải hoặc xây dựng công trình làm giảm hoặc mất tác dụng của công trình hàng hải;

b) Đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước trước cầu, bến cảng, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải, hành lang an toàn bảo vệ luồng hàng hải và những khu vực khác trong phạm vi bảo vệ công trình hàng hải;

c) Lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình hàng hải;

d) Thực hiện các hành vi gây cản trở việc quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ công trình hàng hải.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Phá hủy, làm hư hỏng, tháo gỡ, trộm cắp cấu kiện, phụ kiện và các thiết bị của công trình hàng hải mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Làm hư hỏng, phá hủy, tự ý di chuyển hoặc làm giảm hiệu lực của các thiết bị báo hiệu hàng hải;

c) Điều khiển tàu thuyền và phương tiện khác sai quy định gây đâm va ảnh hưởng đến chất lượng công trình hàng hải.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Nổ mìn hoặc các vật liệu nổ khác trong phạm vi cảng biển, vùng nước cảng biển, luồng hàng hải khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Xếp, chứa các chất dễ cháy nổ, các chất nguy hại trái quy định có khả năng gây ăn mòn hoặc hư hỏng công trình hàng hải khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Khai thác khoáng sản, nạo vét trái phép trên luồng hàng hải, phạm vi bảo vệ luồng hàng hải, vùng nước cảng biển;

d) Thải các chất thải làm hư hại, ảnh hưởng đến độ bền và tuổi thọ của công trình hàng hải;

đ) Nạo vét trái phép trên luồng hàng hải, phạm vi bảo vệ luồng hàng hải, vùng nước cảng biển hoặc nạo vét không đúng yêu cầu kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Hiệu lực thi hành: 01/02/2018 và thay thế Nghị định số 93/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.



Ngày 15/12/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP về Thuế GTGT và thuế TNDN

Theo đó, sản phẩm xuất khẩu liên quan đến tài nguyên, khoáng sản (TNKS) không phải chịu thuế GTGT nếu thuộc một trong hai trường hợp sau:

- Sản phẩm xuất khẩu là TNKS chưa chế biến thành sản phẩm khác;

- Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là TNKS có tổng trị giá TNKS cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên, trừ các trường hợp sau:

+ Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ TNKS mà trong quy trình chế biến đã ra sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu.

Sản phẩm do cơ sở kinh doanh (CSKD) trực

tiếp khai thác và chế biến hoặc mua về để chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến thành sản phẩm xuất khẩu.

+ Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là TNKS (TNKS đã chế biến thành sản phẩm khác).

Hiệu lực thi hành: 01/02/2018

Thông tư quy định về ngưng hiệu lực quy định: Ghi thành viên hộ gia đình lên sổ đỏ

Ngày 04/12/2017, Bộ Tài nguyên và môi trường đã ban hành Thông tư số 53/2017/TT-BTNMT quy định ngưng hiệu lực thi hành Khoản 5 Điều 6 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Theo đó Ngưng hiệu lực thi hành Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (về việc ghi đầy đủ tên thành viên hộ gia đình trên sổ đỏ).



Hiệu lực thi hành: 05/12/2017

Thông tư về sửa đổi tiêu chí chọn doanh nghiệp thí điểm tự chứng nhận xuất

xứ hàng hóa

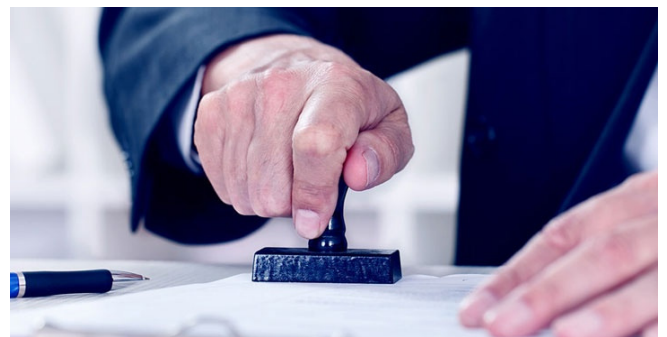
Ngày 06/12/2017, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 27/2017/TT-BCT sửa đổi Thông tư 28/2015/TT-BCT về thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA).

Theo đó, quy định về thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định ATIGA có những thay đổi nổi bật:

- Thương nhân được lựa chọn tham gia thí điểm là doanh nghiệp nhỏ và vừa trở lên, bãi bỏ tiêu chí về kim ngạch xuất nhập khẩu tại Thông tư 28/2015/TT-BCT.

- Thương nhân được lựa chọn không được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với những lô hàng do cơ quan hải quan phân loại vào luồng vàng hoặc luồng đỏ khi khai báo xuất khẩu.

- Cục Xuất nhập khẩu có quyền chỉ định đơn vị đào tạo có đủ năng lực đào tạo về lĩnh vực xuất xứ hàng hóa và cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ cho học viên.



Hiệu lực thi hành: 06/12/2017

Quyết định về giá bán lẻ điện

Ngày 30/11/2017, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 4495/QĐ-BCT quy định về giá bán điện

Theo đó, giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh với mức giá mới là 1.720,65 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), tăng 6,08% so với giá bán điện bình quân hiện hành (1.622,01 đồng/kWh).

Giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện và giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện được quy định tại Phụ lục đính kèm Quyết định

4495/QĐ-BCT.



Thời gian áp dụng giá bán lẻ điện: từ 01/12/2017

Thông tư quy định cung cấp thông tin về đấu thầu

Ngày 05/12/2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 06/2017/Tt-BKHĐT quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Theo quy định này, việc cung cấp thông tin về đấu thầu như: Thông tin về dự án; Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Kết quả lựa chọn nhà thầu; Hợp đồng; Hủy thầu; Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại từng dự án/gói thầu... được thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định hoặc văn bản phê duyệt, ban hành các thông tin đó.



Việc cung cấp thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu được thực hiện trong vòng 02 ngày làm việc từ ngày Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu được ban hành. Riêng thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng, thông báo hủy thầu, thông báo gia hạn, điều chỉnh, đính chính các thông tin đã đăng tải được thực hiện theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phải đảm bảo các quy định tương ứng liên quan về thời gian trong đấu thầu.

Việc cung cấp nội dung chi tiết của các thông tin trên được thực hiện theo các biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống mạng.

Hiệu lực thi hành: 01/03/2018

Quy định về sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng

Ngày 08/12/2017, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 13/2017/TT-BXD quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng

Theo đó, đối với các công trình xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước thì tỷ lệ bắt buộc sử dụng vật liệu không nung được điều chỉnh như sau:

- Đối với các tỉnh đồng bằng Trung du Bắc bộ và vùng Đông Nam bộ:

- + Tối thiểu 90% tại các khu đô thị từ loại III trở lên;
- + Tối thiểu 70% tại các khu vực còn lại.

- Đối với các tỉnh còn lại:

- + Tối thiểu 70% tại các khu đô thị từ loại III trở lên;
- + Tối thiểu 50% tại các khu vực còn lại.

(Quy định hiện hành tỷ lệ bắt buộc là 100% trong tổng số vật liệu xây)

Riêng Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vẫn áp dụng tỷ lệ 100%; Các công trình xây dựng từ 9 tầng trở lên không phân biệt nguồn vốn phải sử dụng tối thiểu 80% (tăng 30% so với quy định hiện hành).

Hiệu lực thi hành: 01/02/2018 và thay thế Thông tư số 09/2012/TT-BXD quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng.

CHÍNH SÁCH BHXH CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/01/2018

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì từ ngày 01/01/2018, một số chính sách về bảo hiểm xã hội được thay đổi như sau. Cụ thể:

- Mở rộng thêm 2 nhóm đối tượng tham gia BHXH bắt buộc. Đó là, người lao động có hợp đồng lao động từ 1 tháng đến dưới 3 tháng và người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, được tham gia BHXH bắt buộc theo quy định của Chính phủ.

- Sửa đổi quy định về mức đóng, hưởng chế độ BHXH hàng tháng. Về đóng BHXH, từ ngày 01/01/2018 trở đi, tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định tại Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 4 và điểm a Khoản 3 Điều 4 của Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động, được ghi trong hợp đồng lao động và trả thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương.

Thay đổi điều kiện hưởng lương hưu đối với người về hưu trước tuổi. Theo đó, người lao động khi nghỉ việc có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên, được hưởng lương hưu với mức thấp hơn trong trường hợp bị suy giảm khả năng lao động từ 61% - 80% phải đủ điều kiện về tuổi đời như sau:

Năm nghỉ hưu	Tuổi đời	
	Nam	Nữ
2008	Từ đủ 53 tuổi trở lên	Từ đủ 48 tuổi trở lên
2019	Từ đủ 54 tuổi trở lên	Từ đủ 49 tuổi trở lên

2020	Từ đủ 55 tuổi trở lên	Từ đủ 50 tuổi trở lên
------	-----------------------	-----------------------

Trường hợp người lao động đã có thời gian đóng BHXH từ đủ 20 năm trở lên, trong đó từ đủ 15 năm trở lên làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên thì không kể tuổi đời.

- Từ 01/01/2018, lao động nữ nghỉ hưu khi đóng đủ 15 năm BHXH hưởng lương hưu bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH. Từ năm thứ 16 trở đi, mức hưởng BHXH tăng thêm 2%; đóng đủ 30 năm được hưởng lương hưu tối đa 75% thay vì 25 năm như hiện nay. Đối với lao động nam, theo luật hiện hành, lao động nam đóng 15 năm BHXH hưởng lương hưu 45% bình quân tiền lương tháng đóng BHXH. Tuy nhiên, từ 01/01/2018, để hưởng mức lương hưu 45%, lao động nam phải đóng đủ 16 năm; tới 2022 phải tham gia 20 năm BHXH mới được hưởng mức 45%. Muốn hưởng lương hưu ở mức tối đa 75%, lao động nam phải đóng bảo hiểm 35 năm, thay vì đóng bảo hiểm 30 năm như hiện nay.

Lao động nam nghỉ hưu trong năm 2018 đóng đủ 31 năm BHXH hưởng lương hưu tối đa 75% bình quân tiền lương tháng đóng BHXH. Nếu lao động nam nghỉ hưu từ năm 2019, 2020, 2021 và 2022 trở đi phải đóng tương ứng từ 32 đến 35 năm BHXH mới được hưởng 75%. Muốn hưởng lương hưu tối đa 75%, người lao động đóng BHXH thêm 5 năm nữa so với hiện nay. Mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi theo quy định thì bị trừ 2%.

- Người tham gia BHXH tự nguyện được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng BHXH theo tỷ lệ phần trăm trên mức đóng BHXH hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn (30% đối với người tham gia thuộc hộ nghèo); 25% đối với người tham gia thuộc hộ cận nghèo; 10% đối với các đối tượng khác.

Tăng chế tài xử lý đối với tội gian lận BHXH, BHTN và tội trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015.

Cụ thể, tội gian lận BHXH, BHTN quy định tại Điều 214 Bộ luật Hình sự 2015, người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây: Chiếm đoạt tiền BHXH, BHTN từ 10 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng hoặc gây thiệt hại từ 20 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng mà không thuộc trường hợp quy định tại một trong các điều 174, 353

và 355 của Bộ luật này thì bị phạt tiền từ 20 - 100 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm nếu: lập hồ sơ giả hoặc làm sai lệch nội dung hồ sơ BHXH, hồ sơ BHTN lừa dối cơ quan BHXH; dùng hồ sơ giả hoặc hồ sơ đã bị làm sai lệch nội dung lừa dối cơ quan BHXH hưởng các chế độ BHXH, BHTN.

Điều 214 Bộ luật Hình sự 2015 quy định, phạt tiền từ 100 - 200 triệu đồng hoặc phạt tù từ 1 - 5 năm với một trong các trường hợp sau đây: Có tổ chức; có tính chất chuyên nghiệp; chiếm đoạt tiền BHXH, BHTN từ 100 đến dưới 500 triệu đồng; gây thiệt hại từ 200 đến dưới 500 triệu đồng; dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; tái phạm nguy hiểm.

Liên quan đến tội trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động quy định tại Điều 216 Bộ luật Hình sự

2015, người nào gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo quy định từ 6 tháng trở lên, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 50 đến 200 triệu đồng; phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến một năm; Phạt tiền từ 200 - 500 triệu đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm với các hành vi: phạm tội 2 lần trở lên; trốn đóng bảo hiểm từ 300 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng; trốn đóng bảo hiểm cho từ 50 đến dưới 200 người; không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của người lao động quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 216 Bộ luật Hình sự 2015.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ, BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Ngày 19/12, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Quy định số 105-QĐ/TW của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 67-QĐ/TW và Quyết định số 68-QĐ/TW, ngày 04/7/2007 của Bộ Chính trị khóa X và các quy định trước đây trái với Quy định này.

Theo Quy định này, quản lý cán bộ bao gồm các nội dung chính: Tuyển chọn, bố trí, phân cấp, điều động, luân chuyển cán bộ và phân cấp quản lý cán bộ; đánh giá cán bộ; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, miễn nhiệm cán bộ; khen thưởng, kỷ luật cán bộ; thực hiện chế độ, chính sách cán bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác cán bộ và cán bộ.

Quy định nêu rõ trách nhiệm và quyền hạn của các cấp ủy, tổ chức đảng trong quản lý cán bộ gồm Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy trực thuộc Trung ương (tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy khối ở Trung ương), các ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương (Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, ban cán sự đảng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị-xã hội, các hội ở Trung ương và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh).

Cán bộ được bổ nhiệm lần đầu phải đủ tuổi công tác trọn một nhiệm kỳ

Quy định cũng nêu rõ trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng trong quản lý cán bộ; nguyên tắc, trách nhiệm và thẩm quyền, quy trình, thủ tục bổ nhiệm cán bộ; thời hạn và điều kiện bổ nhiệm cán bộ.

Theo đó, thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp trưởng, cấp phó ở cơ quan, đơn vị trong bộ máy tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị-xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập; doanh nghiệp Nhà nước.

Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử căn cứ vào nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đó.

Về điều kiện bổ nhiệm, phải bảo đảm tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Đảng và cơ quan có thẩm quyền; không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm; có hồ sơ, lý lịch cá nhân, phiếu kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh.

Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn một nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Cán bộ được bổ nhiệm phải có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cán bộ bị kỷ luật từ khiển trách trở lên thì không được quy hoạch, bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn trong thời gian ít nhất 1 năm kể từ khi có quyết định kỷ luật.

Đảng viên bị kỷ luật cách chức trong vòng 1 năm kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không chỉ định, bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

Cán bộ trong thời gian xem xét kỷ luật thì chưa đưa vào quy hoạch; chưa xem xét bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn.

Bổ sung cấp ủy, thành viên lãnh đạo cấp ủy

Quy định ghi rõ về việc bổ sung cấp ủy, thành viên lãnh đạo cấp ủy và chính quyền các đảng bộ trực thuộc Trung ương và việc phân cấp bổ nhiệm cán bộ cho cấp dưới.

Theo đó, khi cần bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban cán sự đảng, đảng đoàn còn thiếu so với số lượng mà đại hội quyết định hoặc trong khung số lượng do Trung ương quy định, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ động làm quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, chỉ định; không phải báo cáo xin chủ trương.

Đối với những đồng chí đã được đại hội giới thiệu vào danh sách bầu cử cấp ủy, nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét bổ sung vào cấp ủy cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội ít nhất là 12 tháng.

Đối với kiện toàn, bổ sung các chức danh bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân, thì ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy phải báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

Đối với nhân sự được giới thiệu để bầu vào ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy phải xin ý kiến thẩm định của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng trước khi giới thiệu để tỉnh ủy, thành ủy hoặc hội đồng nhân dân bầu và báo cáo cấp có thẩm quyền chuẩn y hoặc phê chuẩn kết quả bầu cử.

Quy định nêu rõ yêu cầu đối với việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; điều kiện xem xét, thẩm quyền quyết định, thủ tục bổ nhiệm lại.

Về điều động và biệt phái cán bộ, Quy định nêu rõ, phải căn cứ vào yêu cầu công tác, nhiệm vụ chính trị, quy hoạch cán bộ nhằm sử dụng có hiệu quả và tạo sự đồng bộ trong đội ngũ cán bộ; khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng ngành, từng địa phương, từng tổ chức; đồng thời bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Cán bộ được điều động, biệt phái do yêu cầu công tác theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Điều động, biệt phái giữa các ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội ở Trung ương và địa phương.

Khi cần thiết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhận các chức vụ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với người đứng đầu và tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị (nơi đi và nơi đến) và các cơ quan liên quan trong điều động, biệt phái đối với các chức danh khác theo thẩm quyền quản lý cán bộ.

Quy định cũng ghi rõ quy trình điều động, biệt phái cán bộ; việc bảo đảm chế độ chính sách đối với cán bộ được điều động biệt phái.

Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thuộc diện Trung ương quản lý

Ban hành kèm theo Quy định số 105-QĐ/TW, Bộ Chính trị đã quy định rõ về chức danh cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định hoặc phân cấp, chức danh cán bộ cần có sự thẩm định nhân sự của các ban đảng Trung ương; quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thuộc diện Trung ương quản lý.

Về trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý, căn cứ nhu cầu công tác, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các ban và cơ quan trực thuộc Trung ương, ban thường vụ hoặc ban chấp hành đảng bộ các tỉnh, thành phố, các đảng ủy trực thuộc Trung ương (sau đây là gọi chung là tập thể lãnh đạo) thực hiện các bước sau:

Trình cơ quan cấp trên có thẩm quyền (bằng văn bản) về chủ trương, số lượng và dự kiến phân công công tác đối với cán bộ đề nghị bổ nhiệm.

Đối với việc phong, thăng quân hàm Đại tướng, Thượng tướng, Đô đốc Hải quân phải xin chủ trương của Bộ Chính trị trước khi làm quy trình.

Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định về chủ trương trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

Đối với nguồn nhân sự tại chỗ, sau khi có chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chậm nhất trong thời gian 15 ngày làm việc, cơ quan, đơn vị tiến hành quy trình nhân sự theo 5 bước. Trường hợp phát sinh những vấn đề khó khăn, phức tạp, phải báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Đối với nguồn nhân sự từ nơi khác, sau khi có chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, người đứng đầu, các thành viên lãnh đạo cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự hoặc Ban Tổ chức Trung ương giới thiệu nhân sự.

Quy định nêu rõ các công việc cần tiến hành đối với trường hợp nhân sự do cơ quan, đơn vị đề xuất; trường hợp nhân sự do Bộ Chính trị, Ban Bí thư dự kiến điều động, bổ nhiệm cán bộ từ nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị.

Đối với nhân sự tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn, khi đề xuất cán bộ giữ chức danh lãnh đạo, nếu chức danh đó thuộc cơ cấu đã được quy định là tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc xét thấy cán bộ được đề nghị bổ nhiệm cần tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn thì đồng thời đề xuất việc tham gia ban cán sự đảng, đảng đoàn của cán bộ đó.

Quy định cũng nêu rõ quy trình thẩm định, xét duyệt đối với nhân sự thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quyết định./.

Nguồn: Theo TTXVN/Cổng thông tin điện tử Chính phủ